



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 40

Ngày 10 tháng 07 năm 2026

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 03/2026/NQ-HĐND quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030	3
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 04/2026/NQ-HĐND bãi bỏ Nghị quyết số 121/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	11
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 05/2026/NQ-HĐND bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La	13
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 06/2026/NQ-HĐND quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh	15

22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 07/2026/NQ-HĐND về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư chưa đảm bảo điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh	17
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 08/2026/NQ-HĐND quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên đội thể thao thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh	20

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 24/NQ-HĐND về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương	32
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 25/NQ-HĐND về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 sang năm 2026 (đợt 2)	41
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 27/NQ-HĐND về việc giao kế hoạch viện trợ năm 2026	45
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 28/NQ-HĐND điều chỉnh thời gian thu hồi đất các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua	46
22/06/2026	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 29/NQ-HĐND thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh	50

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 437/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

HĐND ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

2. Các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 là căn cứ để các cấp ngân sách lập kế hoạch đầu tư

công trung hạn, hằng năm giai đoạn 2026 - 2030 và là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, các xã, phường, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 3. Nguyên tắc chung phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương thực hiện theo nguyên tắc chung quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 và Điều 5 Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030, cụ thể:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; phát huy vai trò đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân để thu hút, huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển; tăng cường phân cấp, phân quyền, rà soát cắt giảm tối đa thủ tục hành chính trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho cấp địa phương, xóa bỏ quan liêu, bao cấp, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh, của các ngành, lĩnh vực, địa phương, kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

4. Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Tăng cường huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, đẩy mạnh việc thu hút các nguồn vốn xã hội để thực hiện các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

5. Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải; bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công.

6. Tập trung ưu tiên bố trí vốn để thực hiện, đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành, phát huy hiệu quả các dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án có tính liên tỉnh, liên xã, các dự án quốc lộ, cao tốc, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, các chương trình, dự án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chương trình, nhiệm vụ, dự án quốc phòng, an ninh, tư pháp, giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, chuyển đổi xanh. Ưu tiên bố trí vốn ngân sách địa phương cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định.

7. Phân bổ vốn hợp lý giữa các ngành, lĩnh vực, các xã, phường, đặc biệt vùng khó khăn góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

8. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- a) Dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp;
- b) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;
- c) Hoàn trả vốn ứng trước;
- d) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn;
- đ) Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng;
- e) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền;
- f) Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch;
- g) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- h) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (*vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2026 - 2030, vốn bố trí cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án dự kiến khởi công mới trong giai đoạn 2031 - 2035*);

i) Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 (nếu có);

k) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng khác theo Quyết định của Chính phủ hoặc Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

l) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh;

m) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

9. Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

Vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương bố trí cho nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và thuộc đối tượng đầu tư công quy định tại Điều 5 của Luật Đầu tư công. Cụ thể:

1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương

Trên cơ sở mức vốn bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao, phân cấp cho ngân sách cấp xã 20% tổng mức vốn, mức vốn còn lại phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương phân cấp cho ngân sách cấp xã thực hiện phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

2. Nguồn thu xổ số kiến thiết

Sử dụng toàn bộ nguồn thu chi cho đầu tư phát triển, ưu tiên bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế.

3. Nguồn thu tiền sử dụng đất

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh và các quy định về sử dụng nguồn thu tiền sử dụng đất.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh: Bố trí tối đa 10% hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý, cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và bố trí tối đa 10% thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh. Phần vốn còn lại phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định và các nguyên tắc quy định tại Điều 3 Nghị quyết này.

Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp xã: Bố trí vốn cho chương trình, nhiệm vụ, dự án đúng quy định của pháp luật thuộc các ngành, lĩnh vực trên địa bàn xã, phường do cấp xã quyết định.

4. Nguồn bội chi ngân sách địa phương chỉ được sử dụng để đầu tư các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được HĐND tỉnh quyết định.

5. Đối với nguồn ngân sách địa phương khác (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư công thì thực hiện phân bổ theo các quy định về sử dụng của từng nguồn vốn.

Điều 5. Tiêu chí và định mức phân bổ nguồn bổ sung cân đối ngân sách địa phương cho các xã, phường

1. Vốn bổ sung cân đối ngân sách địa phương cho các xã, phường trên cơ sở tính điểm theo các tiêu chí sau:

- a) Tiêu chí về dân số.
- b) Tiêu chí về trình độ phát triển.
- c) Tiêu chí về diện tích.
- d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền.
- e) Tiêu chí số thôn/bản đặc biệt khó khăn.

f) Tiêu chí bổ sung: (1) Xã khu vực III; (2) Xã thuộc vùng đô thị trọng tâm: Vùng đô thị dọc QL6; vùng đô thị phía Đông Nam gần với khu du lịch quốc gia Mộc Châu; vùng đô thị gần với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà; vùng đô thị vùng cao biên giới; (3) Chiều dài biên giới quản lý.

Tổng số điểm của từng đơn vị cấp xã là tổng cộng điểm được xác định theo nhóm tiêu chí dân số, trình độ phát triển, diện tích, đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền, số thôn/bản đặc biệt khó khăn và tiêu chí bổ sung.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Tiêu chí dân số: bao gồm dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Số dân	Điểm
Đến 10.000 người	10
Trên 10.000 người, cứ 5.000 người tăng thêm được cộng thêm	1

Dân số trung bình của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê Sơn La công bố.

(2) Điểm tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 1.000 người dân tộc thiểu số	0,5

Số người dân tộc thiểu số của các xã, phường để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Sở Dân tộc và Tôn giáo cung cấp.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: bao gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều, số thu nội địa (*không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết*). Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Điểm
Đến 10% hộ nghèo đa chiều được tính	5
Trên 10% hộ nghèo đa chiều, cứ 01% hộ nghèo đa chiều được cộng thêm	0,3

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của cơ quan có thẩm quyền công bố.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa (*không bao gồm số thu từ đất và xổ số kiến thiết*)

Thu nội địa	Điểm
Đến 20 tỷ đồng được tính	7
Trên 20 tỷ đồng, cứ tăng thêm 5 tỷ đồng được cộng thêm	0,3

Số liệu thu nội địa để tính điểm được xác định căn cứ vào dự toán thu ngân sách năm 2026 do HĐND tỉnh giao.

c) Tiêu chí về diện tích

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 100 km ² được tính	7
Trên 100 km ² , cứ 10 km ² tăng thêm được cộng thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Thống kê Sơn La công bố.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có biên giới đất liền

Đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền	Điểm
Mỗi xã được tính	5

Đơn vị hành chính cấp xã biên giới đất liền để tính điểm được xác định căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 34/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về quy chế khu vực biên giới đất liền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 1 Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

đ) Tiêu chí Số thôn/bản đặc biệt khó khăn

Số thôn/bản đặc biệt khó khăn	Điểm
01 thôn/bản được tính	0,3

Số liệu thôn/bản đặc biệt khó khăn để tính điểm được xác định căn cứ vào Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La, Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030.

e) Tiêu chí bổ sung

(1) 01 xã khu vực III cộng thêm 5 điểm.

Xã khu vực III để tính điểm xác định căn cứ vào Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2026 của UBND tỉnh phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III, giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La, Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030.

(2) Xã thuộc vùng đô thị trọng tâm

Vùng đô thị dọc QL6, Vùng đô thị phía Đông Nam gắn với khu du lịch quốc gia Mộc Châu, vùng đô thị gắn với vùng lòng hồ và lưu vực sông Đà, vùng đô thị vùng cao biên giới, cộng thêm 05 điểm/xã.

Xã thuộc vùng đô thị trọng tâm được ưu tiên phát triển để tính điểm căn cứ vào Báo cáo số 999-BC/TU ngày 23 tháng 9 năm 2025 trình tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI nhiệm kỳ 2025 - 2030.

(3) Tiêu chí chiều dài đường biên giới quản lý

Chiều dài biên giới quản lý	Điểm
Xã có số km đường biên giới từ 0 đến dưới 20 km	1
Xã có số km đường biên giới từ 20 km đến dưới 40 km	1,5
Xã có số km đường biên giới từ 40 km trở lên	2

Chiều dài đường biên giới để tính điểm được xác định căn cứ vào số liệu năm 2025 của Ủy ban biên giới Quốc gia công bố.

3. Phương pháp tính định mức vốn phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng xã, phường và tổng số điểm của 75 xã, phường làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo công thức sau:

$$D_i = \frac{A}{B} \times C_i$$

Trong đó: A là tổng số vốn bổ sung trong cân đối phân cấp cho các xã, phường (*không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất*); B là tổng điểm của xã, phường; C_i là tổng điểm của xã thứ i; D_i là số vốn bổ sung trong cân đối phân bổ cho xã, phường thứ i.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2026 và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.
2. Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ Nghị quyết số 121/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 426/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026;

HĐND ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 121/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ văn bản

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 121/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 7 năm 2026

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt sử dụng chi thường xuyên theo Nghị quyết số 121/2025/NQ-HĐND trước ngày Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực (*trước ngày 31 tháng 3 năm 2026*) và đang thực hiện dở dang: UBND các cấp và các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách tiếp tục thực hiện theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền, chịu trách nhiệm rà soát, xác định và ban hành Quyết định phê duyệt dự toán kinh phí còn thiếu của nhiệm vụ gửi cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, tiếp tục bố trí kinh phí thực hiện theo quy định. Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm toàn diện về việc quản lý sử dụng nguồn kinh phí được giao bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bố trí vốn trước ngày Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực (*trước ngày 31 tháng 3 năm 2026*) tiếp tục thực hiện theo các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý sử dụng nguồn kinh phí ở thời điểm phê duyệt dự toán cho đến khi quyết toán nhiệm vụ.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 420/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2026.

HĐND ban hành Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản

1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 96/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 129/2025/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2025 của HĐND tỉnh sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 96/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động
của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí về thực hiện dân chủ ở cơ sở để hỗ trợ kinh phí cho Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 442/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-PC ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND ban hành Nghị quyết quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động hằng năm đối với Ban Thanh tra nhân dân cấp xã.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ban Thanh tra nhân dân cấp xã.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã.

Điều 2. Quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã

1. Ban Thanh tra nhân dân cấp xã thuộc đơn vị hành chính loại I: 15.000.000 đồng/Ban/năm.

2. Ban Thanh tra nhân dân cấp xã thuộc đơn vị hành chính loại II: 13.000.000 đồng/Ban/năm.

3. Ban Thanh tra nhân dân cấp xã thuộc đơn vị hành chính loại III: 11.000.000 đồng/Ban/năm.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh ban hành mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Phần kinh phí tăng thêm do chênh lệch giữa mức hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã quy định tại Nghị quyết này với mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND do ngân sách cấp xã bảo đảm, được cân đối, bố trí trong phạm vi dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp xã năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 447/TTr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND ban hành Nghị quyết về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy trên địa bàn tỉnh theo khoản 6 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước; đơn vị sự nghiệp, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật phục vụ chữa cháy.

b) Chủ sở hữu hệ thống cấp nước tập trung.

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến huy động đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy.

d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 2. Chính sách ưu tiên đầu tư

1. Thứ tự ưu tiên theo khu dân cư

a) Khu dân cư xen kẽ: Di tích lịch sử; công trình trọng điểm; công trình, cơ sở tập trung đông người; kho tàng.

b) Khu dân cư có mật độ nhà ở bằng gỗ cao; mật độ dân cư lớn, nhiều nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh.

c) Các khu dân cư còn lại chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.

2. Thứ tự ưu tiên đầu tư theo địa bàn

a) Các phường: Tô Hiệu, Chiềng Cơi, Thảo Nguyên, Mộc Châu, Mộc Sơn, Vân Sơn, Chiềng An, Chiềng Sinh.

b) Các xã: Ngọc Chiến, Tà Xùa, Quỳnh Nhai, Mai Sơn, Phù Yên, Thuận Châu, Sông Mã, Yên Châu, Mường La, Bắc Yên, Vân Hồ, Sốp Cộp.

c) Các xã còn lại.

3. Thứ tự ưu tiên đầu tư theo tính chất công trình

a) Cải tạo, chỉnh trang các tuyến đường đã đủ chiều rộng (*từ 3,5m trở lên*) nhưng không bảo đảm khoảng không thông thủy cho xe chữa cháy hoạt động an toàn.

b) Đầu tư các tuyến đường không bảo đảm chiều rộng (*nhỏ hơn 3,5m*), không bảo đảm khoảng không thông thủy cho xe chữa cháy hoạt động an toàn khi tổ chức, cá nhân đã tự nguyện giải phóng mặt bằng.

c) Đầu tư hệ thống cấp nước chữa cháy đủ áp lực, lưu lượng cho các khu vực dân cư có tuyến đường không đủ chiều rộng cho xe chữa cháy hoạt động (*nhỏ hơn 3,5m*) nhưng khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng.

d) Đầu tư xây dựng, lắp đặt, cải tạo bồn, bể trữ nước chữa cháy ngoài tại các khu dân cư không khắc phục được điều kiện bảo đảm về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.

4. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ chữa cháy do các tổ chức, cá nhân tự đầu tư không bị hạn chế bởi các tiêu chí ưu tiên nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

Điều 3. Chính sách huy động các nguồn lực đầu tư

1. Huy động sự tham gia của tổ chức, cá nhân

a) Huy động các tổ chức sở hữu đường dây, đường cáp, cột ăng ten, cột treo cáp (*viễn thông, truyền thông, điện lực*) hạ ngầm hoặc bó gọn, treo cao đường dây, cáp kỹ thuật theo quy chuẩn kỹ thuật và tháo dỡ, di chuyển vật cản nhằm bảo đảm khoảng không thông thủy cho xe chữa cháy hoạt động an toàn.

b) Huy động tổ chức, cộng đồng dân cư thực hiện cải tạo, chỉnh trang công chào, biểu tượng và các công trình công cộng khác nhằm bảo đảm không cản trở giao thông chữa cháy.

c) Các tổ chức, cá nhân thực hiện cải tạo, chỉnh trang các hạng mục công trình thuộc sở hữu như ban công, lô gia, mái che, biển hiệu thực hiện tháo dỡ, phá dỡ, di chuyển vật cản nhằm bảo đảm không cản trở giao thông chữa cháy.

2. Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia, tài trợ, đóng góp

a) Tự nguyện giải phóng mặt bằng.

b) Tài trợ, hỗ trợ, đóng góp bằng tiền hoặc hỗ trợ trực tiếp bằng vật liệu (*cát, đá, xi măng, nhựa đường, phụ gia*), ngày công lao động, máy thi công để xây dựng, cải tạo và giám sát thi công xây dựng, cải tạo công trình.

3. Huy động chủ sở hữu hệ thống cấp nước tập trung xây dựng, nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước tập trung để bảo đảm lưu lượng, áp lực cấp nước chữa cháy; chủ sở hữu được hưởng các ưu đãi về tín dụng, đất đai, khoa học và công nghệ, nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật.

4. Huy động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng, lắp đặt, cải tạo bồn, bể trữ nước chữa cháy ngoài tại các khu dân cư không khắc phục được điều kiện bảo đảm về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy.

5. Nhà đầu tư, nhà tài trợ được xem xét ghi nhận, gắn biển hiệu công trình đầu tư, tài trợ tại vị trí phù hợp; các tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc huy động, tham gia đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ chữa cháy được xem xét khen thưởng theo quy định pháp luật.

6. Ngân sách nhà nước được phân bổ, bố trí để thực hiện nội dung đầu tư thuộc trách nhiệm của nhà nước theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, phòng cháy, chữa cháy và quy định pháp luật liên quan.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2026/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT**Quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với huấn luyện viên,
vận động viên đội thể thao thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh***Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;**Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;**Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung, tập huấn, thi đấu;**Xét Tờ trình số 404/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-VHXXH ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;**HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên đội thể thao thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh.***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội thể thao do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh thành lập, quản lý tham gia tập huấn, thi đấu và các chế độ, chính sách có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, bao gồm: huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu do tỉnh quản lý, triệu tập.

2. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao quần chúng, bao gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên thể thao quần chúng thuộc đội thể thao quần chúng cấp tỉnh, cấp xã và đội thể thao quần chúng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; lực lượng vũ trang; học sinh, sinh viên; hội viên các tổ chức chính trị - xã hội; người khuyết tật và các đối tượng khác theo quy định tham gia thi đấu thể thao quần chúng theo từng giải.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, tổ chức thực hiện và chi trả chế độ theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi

Nội dung và mức chi đối với huấn luyện viên, vận động viên thực hiện theo các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 136/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2020 về mức hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Sơn La và Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 về quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao khác trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XVI, kỳ họp chuyên đề thứ hai thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Phụ lục I
CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỘI TUYỂN
THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO CẤP TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND
ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

I. HỖ TRỢ HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN ĐẠT THÀNH TÍCH TẠI GIẢI THI ĐẤU QUỐC TẾ

1. Đối với vận động viên

1.1. Nội dung thi đấu cá nhân:

Căn cứ thành tích đạt được tại các giải, mức hỗ trợ đối với vận động viên được xác định như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/huy chương

STT	Nội dung	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
I	Đại hội thể thao			
1	Đại hội thể thao thế giới (Olympic Games)	200.000.000	150.000.000	100.000.000
2	Đại hội thể thao trẻ thế giới (Youth Olympic Games)	100.000.000	80.000.000	60.000.000
3	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	80.000.000	60.000.000	40.000.000
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	40.000.000	30.000.000	20.000.000
II	Giải vô địch thế giới từng môn thể thao			
1	Nhóm I	60.000.000	45.000.000	30.000.000
2	Nhóm II	40.000.000	25.000.000	15.000.000
3	Nhóm III	35.000.000	20.000.000	13.000.000
III	Giải vô địch châu Á từng môn thể thao			
1	Nhóm I	35.000.000	25.000.000	15.000.000
2	Nhóm II	25.000.000	15.000.000	12.000.000
3	Nhóm III	20.000.000	13.000.000	10.000.000
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao			

STT	Nội dung	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
1	Nhóm I	25.000.000	20.000.000	15.000.000
2	Nhóm II	20.000.000	13.000.000	10.000.000
3	Nhóm III	15.000.000	12.000.000	8.000.000
V	Đại hội thể thao khác, Giải thể thao khác			
1	Đại hội thể thao quy mô thế giới khác	35.000.000	25.000.000	15.000.000
2	Đại hội thể thao quy mô châu Á khác	20.000.000	13.000.000	10.000.000
3	Giải vô địch trẻ và các giải thể thao quốc tế khác	18.000.000	12.000.000	8.000.000
4	Giải quốc tế mở rộng Việt Nam tổ chức	13.000.000	10.000.000	7.000.000

- Việc phân nhóm các giải vô địch thể giới, châu Á và Đông Nam Á từng môn thể thao (*Nhóm I, Nhóm II, Nhóm III*) thực hiện theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trường hợp đạt nhiều thành tích tại cùng một giải thì được tính hỗ trợ theo từng thành tích.

- Danh hiệu cá nhân (*vận động viên xuất sắc nhất, vận động viên ghi nhiều bàn thắng nhất hoặc danh hiệu tương đương theo Điều lệ giải*): Mức hỗ trợ bằng mức huy chương vàng cá nhân tương ứng quy định tại khoản này.

- Vận động viên phá kỷ lục: Mức hỗ trợ bằng mức huy chương đồng cá nhân tương ứng quy định tại khoản này.

1.2. Nội dung thi đấu tập thể và các trường hợp khác (*bao gồm thi đấu đôi, nhóm, đội và các nội dung tương tự*):

Mỗi vận động viên thuộc tỉnh Sơn La quản lý được triệu tập vào đội tuyển quốc gia tham gia thi đấu quốc tế, bao gồm trường hợp thi đấu đôi, nhóm, đội hoặc ghép với vận động viên địa phương khác; nếu đạt thành tích, được hưởng mức hỗ trợ như vận động viên thi đấu cá nhân tương ứng theo quy định tại khoản 1.1 Mục này.

2. Đối với huấn luyện viên tham gia huấn luyện vận động viên đạt thành tích được hưởng hỗ trợ theo quy định như sau:

2.1. Mức hỗ trợ theo thành tích vận động viên

- Mức hỗ trợ được tính theo từng huy chương, cụ thể:

+ Huy chương thứ nhất: mức hỗ trợ bằng 100% mức hỗ trợ của vận động viên quy định tại điểm 1.1, mục 1, phần I Phụ lục này.

+ Huy chương thứ hai đến thứ tư: mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của vận động viên quy định tại điểm 1.1, mục 1, phần I Phụ lục này.

+ Huy chương thứ năm trở đi: mức hỗ trợ bằng 30% mức hỗ trợ của vận động viên quy định tại điểm 1.1, mục 1, phần I Phụ lục này.

- Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên phá kỷ lục được hưởng mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ của vận động viên phá kỷ lục theo quy định tại điểm 1.1, mục 1, phần I Phụ lục này.

2.2. Tỷ lệ hỗ trợ theo vai trò huấn luyện viên.

Huấn luyện viên được hưởng hỗ trợ phải thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, được cơ quan có thẩm quyền phân công tham gia huấn luyện vận động viên của tỉnh đạt thành tích được hưởng hỗ trợ, như sau:

- Huấn luyện viên đào tạo vận động viên ở cơ sở đạt thành tích: Hưởng 40% mức hỗ trợ tại điểm 2.1, mục 2, phần I Phụ lục này.

- Huấn luyện viên trực tiếp chỉ đạo vận động viên của tỉnh thi đấu đạt thành tích: Hưởng 60% mức hỗ trợ tại điểm 2.1, mục 2, phần I Phụ lục này.

- Huấn luyện viên vừa đào tạo vận động viên ở cơ sở vừa trực tiếp chỉ đạo vận động viên của tỉnh thi đấu đạt thành tích: Hưởng 100% mức hỗ trợ tại điểm 2.1, mục 2, phần I Phụ lục này.

II. HỖ TRỢ TIỀN TRANG PHỤC THỂ THAO

1. Huấn luyện viên

Huấn luyện viên thuộc Trung tâm Văn hóa, Thể thao tỉnh: 01 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa hè trị giá không quá 800.000 đồng/người; 02 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa đông trị giá không quá 1.200.000 đồng/người.

2. Vận động viên

2.1. Trang phục phục vụ tập luyện: Được trang bị tối đa 02 bộ trang phục, trị giá không quá 1.000.000 đồng/người/năm.

2.2. Trang phục phục vụ thi đấu: Được trang bị tối đa 02 bộ trang phục, trị giá không quá 1.200.000 đồng/người/năm.

3. Trường hợp các môn thể thao phải sử dụng trang phục, dụng cụ đặc thù (như các môn võ thuật, giày bóng đá, giày điền kinh, xe đạp,...) theo yêu cầu chuyên môn thì được thanh toán theo giá thực tế, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao, trên cơ sở đề nghị của đơn vị chuyên môn và được cơ quan chủ quản chấp thuận; không thực hiện cấp sở hữu cá nhân đối với trang phục, dụng cụ đặc thù sau khi kết thúc thi đấu.

III. HỖ TRỢ TIỀN SINH HOẠT PHÍ ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO, VẬN ĐỘNG VIÊN ĐƯỢC TRIỆU TẬP ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA, ĐỘI TUYỂN TRẺ QUỐC GIA

1. Đối tượng hỗ trợ

Vận động viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La đang được tập trung huấn luyện; vận động viên được công nhận đẳng cấp quốc gia; vận động viên được cơ quan có thẩm quyền triệu tập tham gia đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia.

2. Mức hỗ trợ

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/người/tháng

STT	Đối tượng	Mức hỗ trợ	Thời gian hưởng
1	Vận động viên kiện tướng quốc gia	3.000.000	12 tháng
2	Vận động viên cấp I quốc gia	2.000.000	12 tháng
3	Vận động viên huấn luyện tập trung	1.000.000	Theo Quyết định tập trung
4	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển quốc gia	7.000.000	Theo Quyết định triệu tập
5	Vận động viên được triệu tập vào đội tuyển trẻ quốc gia	4.000.000	Theo Quyết định triệu tập

3. Nguyên tắc hỗ trợ

3.1. Thời gian hưởng hỗ trợ đối với vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia được tính từ ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm được công nhận đẳng cấp; đẳng cấp do cơ quan có thẩm quyền công nhận.

3.2. Chính sách hỗ trợ sinh hoạt phí quy định tại Mục này là khoản hỗ trợ thêm của tỉnh, không bao gồm tiền lương, tiền công, chế độ dinh dưỡng và các chế độ tập huấn, thi đấu khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Vận động viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh trong thời gian tập trung huấn luyện tại tỉnh hoặc được triệu tập đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia vẫn được hưởng chế độ hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định tại Mục này.

3.4. Vận động viên vừa đạt đẳng cấp quốc gia, vừa được triệu tập vào đội tuyển quốc gia hoặc đội tuyển trẻ quốc gia thì được hưởng đồng thời các mức hỗ trợ tương ứng theo quy định tại Mục này; trường hợp được công nhận nhiều đẳng cấp thì chỉ được hưởng 01 mức cao nhất.

IV. HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN THỂ THAO THÀNH TÍCH CAO THÔI TẬP TRUNG HUẤN LUYỆN TRỞ VỀ ĐỊA PHƯƠNG

1. Mức hỗ trợ

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thời gian tập trung huấn luyện	Dưới 3 năm	Từ 3 đến 5 năm	Trên 5 năm đến 7 năm	Trên 7 năm đến 10 năm	Trên 10 năm
Mức hỗ trợ	3.000.000	6.000.000	10.000.000	15.000.000	20.000.000

2. Thời gian tập trung huấn luyện làm căn cứ xác định mức hỗ trợ được tính theo quyết định triệu tập tập trung huấn luyện của cơ quan quản lý trực tiếp vận động viên hoặc cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý; trường hợp vận động viên tập trung huấn luyện dưới 03 năm phải đạt huy chương trong hệ thống thi đấu thể thao thành tích cao.

V. HỖ TRỢ TIỀN ĐI LẠI VÀ TIỀN THUÊ PHÒNG NGHỈ TRONG THỜI GIAN TẬP HUẤN, THI ĐẤU

1. Tiền đi lại (*chỉ thanh toán 01 lần đi, về*), được thanh toán theo một trong hai phương thức sau:

1.1. Hợp đồng thuê xe: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

1.2. Tự túc phương tiện

Thực hiện theo quy định tại khoản 2.4 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Tiền thuê phòng nghỉ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1.2 Mục 1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; áp dụng mức chi các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại.

3. Nguyên tắc thanh toán

3.1. Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập hoặc giao nhiệm vụ tham gia tập huấn, thi đấu ngoài địa bàn nơi cư trú hoặc nơi công tác được thanh toán tiền đi lại và tiền thuê phòng nghỉ, bao gồm đối tượng hưởng lương và không hưởng lương ngân sách nhà nước.

3.2. Chế độ hỗ trợ được thanh toán căn cứ theo quyết định triệu tập hoặc quyết định tham gia của cấp có thẩm quyền; thời gian tập huấn, thi đấu phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và các chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

3.3. Trường hợp đã được thanh toán công tác phí tại cơ quan, đơn vị công tác hoặc đã được bố trí phương tiện đi lại, chỗ nghỉ thì không thanh toán các khoản chi Mục 1, Mục 2 Phần V này.

Phụ lục II

MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI ĐỘI TUYỂN THỂ THAO QUẦN CHÚNG CẤP TỈNH VÀ CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND
ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

I. ĐỘI TUYỂN THỂ THAO QUẦN CHÚNG CẤP TỈNH

Đối tượng áp dụng: Huấn luyện viên, vận động viên thể thao quần chúng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, bao gồm đội tuyển thể thao quần chúng; đội tuyển của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập, cử tham gia tập huấn, thi đấu.

1. Tiền trang phục thể thao

1.1. Huấn luyện viên

Huấn luyện viên thuộc Trung tâm Văn hóa, Thể thao tỉnh: 01 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa hè trị giá không quá 800.000 đồng/người; 02 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa đông trị giá không quá 1.200.000 đồng/người (trừ huấn luyện viên thể thao thành tích cao).

1.2. Vận động viên

- Khi tham gia giải thể thao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được trang bị 02 bộ trang phục/giải, trị giá không quá 1.200.000 đồng.

- Sau khi kết thúc giải, vận động viên được sở hữu trang phục đã được trang bị.

2. Tiền dinh dưỡng

2.1. Thời gian tập huấn: 300.000 đồng/người/ngày

- Số ngày được tính theo ngày thực tế tập trung tập huấn theo kế hoạch hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng không quá 15 ngày cho mỗi giải; đối với Đại hội thể thao toàn quốc, thời gian tập trung tập huấn được hưởng chế độ không quá 90 ngày/01 Đại hội.

2.2. Thời gian thi đấu: 350.000 đồng/người/ngày (theo ngày thực tế thi đấu, không vượt quá thời gian theo quy định tại Điều lệ giải).

3. Tiền đi lại và tiền thuê phòng nghỉ trong thời gian tập huấn, thi đấu

3.1. Tiền đi lại (chỉ thanh toán 01 lần đi, về), được thanh toán theo một trong hai phương thức sau:

- Hợp đồng thuê xe: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

- Tự túc phương tiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 2.4 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3.2. Tiền thuê phòng nghỉ

Thực hiện theo quy định tại khoản 1.2 Mục 1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2025 của HĐND tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; áp dụng mức chi các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại.

3.3. Nguyên tắc thanh toán

- Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập hoặc giao nhiệm vụ tham gia tập huấn, thi đấu ngoài địa bàn nơi cư trú hoặc nơi công tác được thanh toán tiền đi lại và tiền thuê phòng nghỉ, bao gồm đối tượng hưởng lương và không hưởng lương ngân sách nhà nước.

- Chế độ hỗ trợ được thanh toán căn cứ theo quyết định triệu tập hoặc quyết định tham gia của cấp có thẩm quyền; thời gian tập huấn, thi đấu phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và các chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

- Trường hợp đã được thanh toán công tác phí tại cơ quan, đơn vị công tác hoặc đã được bố trí phương tiện đi lại, chỗ nghỉ thì không thanh toán các khoản chi tại điểm 3.1, 3.2, Mục 3 Phần I này.

II. ĐỘI TUYỂN THỂ THAO QUẦN CHÚNG CẤP XÃ

Đối tượng áp dụng: Huấn luyện viên, vận động viên thể thao quần chúng thuộc phạm vi quản lý của cấp xã, bao gồm đội tuyển thể thao quần chúng cấp xã và đội tuyển thể thao quần chúng của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã được cơ quan có thẩm quyền quyết định triệu tập, cử tham gia tập huấn, thi đấu.

1. Tiền trang phục thể thao

1.1. Huấn luyện viên

Huấn luyện viên do cấp xã quản lý hoặc được giao nhiệm vụ: 01 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa hè trị giá không quá 800.000 đồng/người; 02 năm được trang bị 01 bộ trang phục mùa đông trị giá không quá 1.200.000 đồng/người.

1.2. Vận động viên

- Khi tham gia giải thể thao theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được trang bị 02 bộ trang phục/giải, trị giá không quá 1.200.000 đồng.

- Sau khi kết thúc giải, vận động viên được sở hữu trang phục đã được trang bị.

2. Tiền dinh dưỡng

2.1. Thời gian tập huấn: 200.000 đồng/người/ngày. Số ngày được tính theo số ngày thực tế tập trung tập huấn theo kế hoạch hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền nhưng không quá 15 ngày cho mỗi giải.

2.2. Thời gian thi đấu: 300.000 đồng/người/ngày. Số ngày được tính theo thực tế thi đấu không vượt quá thời gian theo quy định tại Điều lệ giải.

3. Tiền đi lại và tiền thuê phòng nghỉ trong thời gian tập huấn, thi đấu

3.1. Tiền đi lại (*chỉ thanh toán 01 lần đi, về*), được thanh toán theo một trong hai phương thức sau:

- **Hợp đồng thuê xe:** Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

- **Tự túc phương tiện:** Thực hiện theo quy định tại khoản 2.4 Mục 2 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3.2. Tiền thuê phòng nghỉ: Thực hiện theo quy định tại khoản 1.2 Mục 1 Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; áp dụng mức chi các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại.

3.3. Nguyên tắc thanh toán

- Huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập hoặc giao nhiệm vụ tham gia tập huấn, thi đấu ngoài địa bàn nơi cư trú hoặc nơi công tác được thanh toán tiền đi lại và tiền thuê phòng nghỉ, bao gồm đối tượng hưởng lương và không hưởng lương ngân sách nhà nước.

- Chế độ hỗ trợ được thanh toán căn cứ theo quyết định triệu tập hoặc quyết định tham gia của cấp có thẩm quyền; thời gian tập huấn, thi đấu phải được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và các chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định.

- Trường hợp đã được thanh toán công tác phí tại cơ quan, đơn vị công tác hoặc đã được bố trí phương tiện đi lại, chỗ nghỉ thì không thanh toán các khoản chi tại điểm 3.1, 3.2, Mục 3 Phần II này.

4. Hỗ trợ tiền thưởng vận động viên đạt thành tích tại giải thi đấu thể thao cấp xã.

4.1. Nội dung thi đấu cá nhân

Thành tích vận động viên đạt được tại giải được tính hỗ trợ theo mức quy định tại phụ lục này, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam/huy chương

Nội dung	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng
Giải thi đấu thể thao cấp xã (bao gồm giải do Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức hoặc do các cơ quan, đơn vị, ngành, đoàn thể cấp xã tổ chức theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt), Đại hội Thể dục thể thao, Hội	800.000	600.000	400.000

khỏe Phù Đồng cấp xã			
----------------------	--	--	--

- Trường hợp giải không tổ chức trao huy chương thì áp dụng mức hỗ trợ tương ứng với giải Nhất, Nhì, Ba.

- Danh hiệu cá nhân (*vận động viên xuất sắc nhất, vận động viên ghi nhiều bàn thắng nhất hoặc danh hiệu tương đương theo Điều lệ giải*): Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng huy chương vàng cá nhân tương ứng quy định tại **khoản này**.

- Vận động viên phá kỷ lục: Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng mức huy chương đồng cá nhân tương ứng quy định tại **khoản này**.

4.2. Nội dung thi đấu tập thể và các trường hợp khác (*bao gồm thi đấu đôi, nhóm, đội và các nội dung tương tự*)

- Môn bóng đá, bóng chuyền

+ Mức hỗ trợ tiền thưởng được tính bằng số lượng vận động viên theo quy định tại Điều lệ giải nhân với mức huy chương cá nhân tương ứng quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Giải phong cách môn bóng đá: Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng 2/3 huy chương đồng nội dung tập thể của môn bóng đá tại giải đấu đó;

- Nội dung thi đấu có từ 02 vận động viên trở lên (*bao gồm thi đấu đôi, nhóm, đội và các nội dung tương tự*) mức hỗ trợ được xác định theo hệ số nhân so với mức huy chương cá nhân tương ứng, cụ thể như sau:

+ Nội dung thi đấu đôi (02 vận động viên): Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng **1,5 lần** mức huy chương cá nhân tương ứng quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Nội dung thi đấu có 03 vận động viên: Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng 2,25 lần mức huy chương cá nhân tương ứng quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Nội dung thi đấu có 04 vận động viên: Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng 03 lần mức hỗ trợ huy chương cá nhân tương ứng quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Nội dung thi đấu có 05 đến 06 vận động viên: Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng 04 lần mức huy chương cá nhân tương ứng quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Nội dung thi đấu có 07 vận động viên trở lên: Mức hỗ trợ tiền thưởng bằng 06 lần mức huy chương cá nhân tương ứng quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Giải toàn đoàn: Mức hỗ trợ bằng 04 lần mức huy chương cá nhân quy định tại **điểm 4.1 Mục 4 Phần II Phụ lục này**;

+ Giải toàn đoàn gồm: giải nhất, giải nhì, giải ba tương ứng với huy chương vàng, huy chương bạc, huy chương đồng.

4.3. Nguyên tắc hỗ trợ tiền thưởng

- Việc hỗ trợ tiền thưởng vận động viên đạt thành tích thực hiện căn cứ kết quả thi đấu, điều lệ giải và quyết định công nhận kết quả của Ban Tổ chức giải.

- Mỗi cá nhân, tập thể đạt nhiều thành tích trong cùng một nội dung hoặc nhiều nội dung thi đấu thì được hưởng mức hỗ trợ tương ứng đối với từng thành tích đạt được./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2026
nguồn vốn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương năm 2026;

Xét Tờ trình số 439/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương, như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 163.030 triệu đồng.

- Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh: 101.230 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh: 61.800 triệu đồng.

2. Phương án phân bổ

2.1. Nguồn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh

- Phân bổ 17.345 triệu đồng tham gia thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

- Phân bổ 83.885 triệu đồng thực hiện 13 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030.

2.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh

Phân bổ 61.800 triệu đồng thực hiện 15 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026 - 2030.

(có biểu chi tiết số 01, 02 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

Biểu số 01
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN BỔ SUNG CÂN ĐỐI
NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026 đề nghị phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ			1.257.412	1.257.412	343.189	269.565	101.230	
I	THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO PHƯƠNG THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ (PPP)			295.695	295.695			17.345	
1	Trụ sở làm việc 9 tầng và 02 khối nhà 6 tầng thuộc khu trụ sở HĐND, UBND, UB MT TQVN tỉnh và một số sở ngành đoàn thể tỉnh Sơn La (thanh toán BLT)	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị		295.695	295.695			17.345	
II	THỰC HIỆN DỰ ÁN			961.717	961.717	343.189	269.565	83.885	
II.1	Dự án hoàn thành thiếu vốn			133.011	133.011	111.971	119.924	10.621	
1	Dự án cầu cứng Nậm Lạnh - Nậm Ca (giai đoạn II), huyện Sốp Cộp	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2733 09/11/2021	60.000	60.000	55.338	55.467	129	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026 đề nghị phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
2	Dự án Nhà văn hóa xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD Yên Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1406 03/10/2024	1.850	1.850	1.050	1.730	680	
3	Dự án Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai sạt lở đất tại bản Dón, bản Tà Phù tại khu tái định cư tập trung Pu Nhay, xã Liên Hòa, huyện Vân Hồ	Ban QLDA ĐTXD Vân Hồ thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	798 21/4/2020	34.000	34.000	28.995	29.721	726	
4	Xây dựng hệ phố trung tâm xã Mường Bú, huyện Mường La	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2045 15/11/2021	9.964	9.964	9.145	9.666	521	
5	Điểm thông tin du lịch cộng đồng xã Ngọc Chiến	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1267 19/7/2023	4.713	4.713	3.861	4.626	766	
6	Trường THCS Lê Quý Đôn, thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	1271 15/6/2025	10.190	10.190	4.995	6.939	4.613	
7	Dự án Củng hóa đường giao thông từ bản Tổng Cầu (bản Suối Tàu cũ) đến trung tâm xã Mường Thái, huyện Phù Yên	UBND xã Mường Cơi	661 25/3/2025	6.809	6.809	3.899	6.809	2.910	LG CT MTQG 1719

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026 đề nghị phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
8	Cầu tràn qua suối Nậm Tĩa khu Huổi Phô đi bản Huổi My, xã Sam Kha	Ban QLDA ĐTXD Sốp Cộp thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2189 16/12/2023	3.800	3.800	3.214	3.380	166	
9	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy tại Chợ trung tâm Bắc Yên	UBND xã Bắc Yên	735 28/5/2025	1.685	1.685	1.475	1.586	110	
II.2	Dự án có nhu cầu bồi thường giải phóng mặt bằng			343.000	343.000	83.130	79.322	40.719	
10	Hoàn thiện tuyến giao thông số 1A, vườn hoa Quảng trường Tây Bắc (đoạn từ cầu trắng đến tuyến 1A)	UBND phường Tô Hiệu	1414 21/8/2024	343.000	343.000	83.130	79.322	40.719	
II.3	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2026			62.020	62.020	37.510	34.880	9.274	
11	Đường giao thông từ trung tâm xã Chiềng Muôn – xã Chiềng Ân, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD Mường La thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2758 17/11/2021	45.000	45.000	29.268	30.265	4.274	
12	Bảo tồn, tôn tại khu di tích lịch sử Cây Me - Nơi thành lập chi bộ đầu tiên của Đảng bộ tỉnh Sơn La	UBND xã Mai Sơn	2782 15/11/2021	17.020	17.020	8.242	4.615	5.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026 đề nghị phân bổ	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
			Tổng số						
II.4	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2026			423.686	423.686	110.579	35.440	23.271	
13	Cải tạo, xây dựng mới các công trình trong khuôn viên Tỉnh uỷ	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và phát triển đô thị	2473 30/9/2025	423.686	423.686	110.579	35.440	23.271	

Biểu số 02
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
NGÂN SÁCH TỈNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng									
STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
				Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh				
	TỔNG SỐ			562.083	562.083	362.085	366.456	61.800	
I	Dự án hoàn thành thiếu vốn			148.410	148.410	111.872	130.221	18.339	
1	Bố trí sắp xếp dân cư bản Ta Lát, xã Mường Cai, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	999 29/4/2025	26.900	26.900	20.508	25.612	5.105	
2	Trường THCS Chiềng Khoang, xã Chiềng Khoang, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2730 17/9/2024	7.000	7.000	5.687	6.752	1.065	
3	Trường MN Hoa Hồng Chiềng Khương, xã Chiềng Khương, huyện Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD Sông Mã thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2727 17/9/2024	5.500	5.500	4.090	5.187	1.096	
4	Dự án Trường TH&THCS Chiềng Ngần A, thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	787 23/04/2025	16.500	16.500	11.903	16.500	4.597	

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
				Tổng số	TD: Nguồn ngân sách tỉnh				
5	Dự án có Trường TH & THCS Chiềng Ngần B, thành phố Sơn La	UBND phường Chiềng Sinh	754 21/04/2025	11.800	11.800	10.466	11.800	1.334	
6	Quảng trường, vườn hoa tại khu vực phía trước Trụ sở Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	2237 09/10/2024	28.088	28.088	13.126	13.213	87	
7	Hệ thống điện trang trí các tuyến đường trung tâm thành phố Sơn La	UBND phường Tô Hiệu	688 08/4/2025	16.000	16.000	14.489	15.292	802	
8	Trường Tiểu học và THCS Quyết Tâm (điểm trường Tiểu học)	UBND phường Tô Hiệu	564 22/4/2025	10.000	10.000	7.714	9.444	1.720	
9	Đường từ Quốc lộ 43 đi khu dân cư và khu sản xuất bản Là Ngà 2, xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD Mộc Châu thuộc Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	1087 31/5/2021	26.622	26.622	23.889	26.422	2.533	
II	Dự án có nhu cầu bồi thường giải phóng mặt bằng			318.773	318.773	213.519	192.190	19.688	
10	Dự án Đầu tư hạ tầng khu Tái định cư tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu	UBND phường Mộc Sơn	1743 28/10/2022	14.183	14.183	6.114	3.818	5.136	

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án			Lũy kế vốn giao đến thời điểm báo cáo	Lũy kế khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2026	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					
				Tổng số	TĐ: Nguồn ngân sách tỉnh				
11	Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và san nền khu dân cư tiểu khu 1, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu (khu đất hợp tác xã Hợp Nhất)	UBND phường Mộc Sơn	2712 22/10/2024	24.000	24.000	8.060	7.766	5.052	
12	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	UBND xã Mai Sơn	1751 16/8/2018	185.590	185.590	133.468	129.695	2.500	
13	Nâng cấp tuyến đường 26/7 đi tiểu khu 77, thị trấn Nông trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Tháo Nguyên	2176 29/9/2021	95.000	95.000	65.877	50.911	7.000	
III	Dự án đang thực hiện hoàn thành năm 2026			94.900	94.900	36.694	44.045	23.773	
14	Hệ thống thoát nước đô thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu	UBND phường Tháo Nguyên	2759 11/11/2021	50.000	50.000	23.694	26.045	7.941	
15	Dự án XD Trụ sở chính Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng công nghiệp và PTĐT	575 14/3/2025	44.900	44.900	13.000	18.000	15.832	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 sang năm 2026 (đợt 2)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đầu tư công đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 431/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 sang năm 2026 (Đợt 2) như sau:

1. Tổng số vốn cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách Trung ương năm 2025 sang năm 2026: 1.179.607,047 triệu đồng để triển khai thực hiện dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La.

(Chi tiết tại biểu kèm theo)

2. Thời gian cho phép kéo dài thực hiện và giải ngân: Đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2025 SANG NĂM 2026 (ĐỢT 2)
(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH và thanh toán kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch năm 2025 còn lại	Kế hoạch năm 2025 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2026	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Kết quả giải ngân đến hết 31/01/2026			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					
	TỔNG SỐ			4.938.000	3.400.000	3.021.024	1.841.416,953	1.179.607,047	1.179.607,047	
I	Dự án thuộc đối tượng quy định tại theo điểm d, e khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công được sửa đổi tại khoản 33 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15			4.938.000	3.400.000	3.021.024	1.841.416,953	1.179.607,047	1.179.607,047	
1	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La		299 NQ-HĐND 10/3/2024	4.938.000	3.400.000					
-	Dự án thành phần ĐTXD công trình giao thông thuộc dự án ĐTXD tuyến đường bộ Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	1999 24/9/2024			2.505.084	1.478.423,033	1.026.660,967	1.026.660,967	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			KH và thanh toán kế hoạch vốn giao năm 2025		Kế hoạch năm 2025 còn lại	Kế hoạch năm 2025 kéo dài thời gian thực hiện sang năm 2026	Ghi chú
			Số Quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2025	Kết quả giải ngân đến hết 31/01/2026			
	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Vân Hồ của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	UBND xã Vân Hồ	2776 25/12/2024			453.000	304.165,266	148.834,734	148.834,734	
	Dự án thành phần bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thuộc địa phận huyện Mộc Châu của dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La	UBND phường Vân Sơn	2232 25/10/2025			62.940	58.828,654	4.111,346	4.111,346	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Số: 27/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT
Về việc giao kế hoạch viện trợ năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 305/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài;

Xét Tờ trình số 453/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-PC ngày 20 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao kế hoạch viện trợ để thực hiện các khoản chi viện trợ cho 09 tỉnh nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào năm 2026, số tiền 16.700 triệu đồng (*Mười sáu tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn*).

Nguồn kinh phí: Dự phòng ngân sách cấp tỉnh năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, thực hiện giao kế hoạch viện trợ sử dụng ngân sách địa phương năm 2026 theo quy định hiện hành.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh thời gian thu hồi đất các dự án đã được HĐND tỉnh thông qua

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

Xét Tờ trình số 440/Tr-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh, Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh thời gian thực hiện thu hồi đất đối với các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, gồm:

1. Dự án Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2024, Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2024, Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của HĐND tỉnh.

2. Dự án Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 4) thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021.

3. Dự án đầu tư xây dựng, phát triển khu du lịch Quốc gia Mộc Châu đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2023, Nghị quyết số 458/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của HĐND tỉnh.

4. Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 458/NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của HĐND tỉnh.

5. Dự án kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cừng về phía thượng lưu 520 m) đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 104/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022, Nghị quyết số 453/NQ-HĐND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của HĐND tỉnh.

6. Dự án san nền đường giao thông hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017, Nghị quyết số 251/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020, Nghị quyết số 106/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022, Nghị quyết số 453/NQ-HĐND ngày 21 tháng 01 năm 2025 của HĐND tỉnh.

7. Dự án hạ tầng đầu giá tiểu khu 3-2, thị trấn Nông trường Mộc Châu đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021, Nghị quyết số 472/NQ-HĐND ngày 21 tháng 3 năm 2025 của HĐND tỉnh.

8. Dự án đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu đã được thông qua, điều chỉnh tại các Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của HĐND tỉnh.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH THỜI GIAN THU HỒI ĐẤT
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC HẸN TÍNH THÔNG QUA**
(Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua		Nội dung điều chỉnh		Văn bản về chủ trương đầu tư dự án	
			Số Nghị quyết	Diện tích thu hồi đất	Điều chỉnh thời gian thu hồi đất	Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai 2024	Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
1	Dự án Đường trục chính đô thị - nội thị Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Các phường: Vân Sơn, Mộc Sơn, Mộc Châu	24/NQ-HĐND ngày 10/8/2024; 193/NQ-HĐND ngày 02/6/2023	424.300,00	2021 - 2026	Khoản 1	914/QĐ-UBND ngày 11/04/2026	Ngân sách tỉnh
2	Đường khu dân cư trung tâm hành chính mới (giai đoạn 4) thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	Tổ dân phố 5, phường Mộc Châu	51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	56.257,00	2022 - 2026	Khoản 1	1355/QĐ-UBND ngày 06/6/2026 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh
3	Dự án đầu tư xây dựng, phát triển khu du lịch Quốc gia Mộc Châu	Tổ dân phố Chiềng Di, phường Vân Sơn	51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 193/NQ-HĐND ngày 02/6/2023; 458/NQ-HĐND ngày 20/2/2025	72.330,00	2021 - 2026	Khoản 27	1006/QĐ-UBND ngày 24/4/2026	Ngân sách tỉnh
4	Dự án Đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đô thị Mộc Châu	Phường Vân Sơn và phường Mộc Châu	51/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 458/NQ-HĐND ngày 20/02/2025	40.000,00	2022 - 2026	Khoản 1	1105/QĐ-UBND ngày 09/05/2026 của UBND tỉnh	Ngân sách tỉnh

STT	Danh mục dự án	Địa điểm thực hiện dự án	Nghị quyết HĐND tỉnh đã thông qua		Nội dung điều chỉnh		Văn bản về chủ trương đầu tư dự án	
			Số Nghị quyết	Diện tích thu hồi đất	Điều chỉnh thời gian thu hồi đất	Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai 2024	Số Văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
5	Dự án kè bờ hữu Sông Mã (đoạn từ cầu cùng về phía thượng lưu 520 m)	Xã Nà Nhieu (nay là xã Sông Mã)	104/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; 453/NQ-HĐND ngày 21/01/2025	10.300,00	Năm 2026	Khoản 2	17/NQ-HĐND ngày 04/5/2026	Ngân sách tỉnh
6	Dự án san nền đường giao thông hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Hưng Mai	Xã Nà Nhieu (nay là xã Sông Mã)	73/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; 251/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 106/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; 453/NQ-HĐND ngày 21/01/2025	21.639,00	Năm 2026	Khoản 1	17/NQ-HĐND ngày 04/5/2026	Ngân sách tỉnh
7	Hạ tầng đầu tư giá tiểu khu 3 - 2, thị trấn Nông trường Mộc Châu	Tổ dân phố 3/2, phường Tháo Nguyên	24/NQ-HĐND ngày 10/8/2021; 472/NQ-HĐND ngày 21/3/2025	1.926,00	2021-2026	Khoản 1	1185/QĐ-UBND ngày 19/5/2026	Ngân sách tỉnh
8	Dự án đầu tư hạ tầng khu tái định cư tiểu khu 14, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu	Tổ dân phố 4, phường Mộc Châu	150/NQ-HĐND ngày 08/12/2022	26.100,00	2022-2026	Khoản 1	1302/QĐ-UBND ngày 02/6/2026	Ngân sách tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 22 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển
kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XVI, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

Xét Tờ trình số 450/Tr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh, Báo cáo thẩm tra số 78/BC-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách của HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua danh mục thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh, gồm:

1. Dự án xây dựng công trình giao thông (Khoản 1 Điều 79 Luật Đất đai 2024): gồm 02 dự án trên địa bàn xã Mường Hung, xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

2. Dự án xây dựng công trình cấp nước, thoát nước (Khoản 3 Điều 79 Luật Đất đai 2024): gồm 01 dự án trên địa bàn xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

3. Dự án xây dựng công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (Khoản 5 Điều 79 Luật Đất đai 2024): gồm 01 dự án trên địa bàn xã Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

4. Dự án xây dựng cơ sở giáo dục, đào tạo được Nhà nước thành lập hoặc cho phép hoạt động (*Khoản 16 Điều 79 Luật Đất đai 2024*): gồm 01 dự án trên địa bàn phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.

5. Dự án tái định cư (*Khoản 21 Điều 79 Luật Đất đai 2024*): gồm 03 dự án trên địa bàn xã Tường Hạ, xã Long Hẹ, xã Nậm Ty, tỉnh Sơn La.

(có Biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XVI, Kỳ họp chuyên đề thứ 2 thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Lò Minh Hùng

**DANH MỤC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI VÌ LỢI ÍCH QUỐC GIA, CÔNG CỘNG**
(Kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 22/6/2026 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)	Thời gian thực hiện	Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024	Sự phù hợp dự án với Quy hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
							Số văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
1	Dự án cầu cứng qua Sông Mã bản Chiềng Cang - Bản Kéo, xã Mường Hung, tỉnh Sơn La	Bản Chiềng Cang, xã Mường Hung	21.317,00	Năm 2026-2028	Khoản 1	1670/QĐ-UBND ngày 30/6/2025 điều chỉnh QHSD đất thời kỳ 2021 - 2030	652/QĐ-UBND ngày 10/3/2026	Ngân sách tỉnh + quỹ Thiên Tâm
2	Bến xe khách trung tâm huyện Vân Hồ	Xã Vân Hồ	21.000,00	Năm 2025-2028	Khoản 1	783/QĐ-UBND ngày 27/4/2024 của UBND tỉnh	1304/QĐ-UBND ngày 05/6/2025	Nhà đầu tư
3	Dự án nâng cấp Trạm xử lý nước sinh hoạt Tiểu khu III, thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên (nay là xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La)	Xã Bắc Yên	1.371,40	Năm 2026	Khoản 3	1771/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh phê duyet QHSD đất 2021 - 2030	57/QĐ-UBND ngày 12/01/2024 của UBND tỉnh và chấp thuận điều chỉnh thời gian tại Công văn số 2349/STC- ĐTNN ngày 27/5/2026 của Sở Tài chính	Nhà đầu tư

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Diện tích thu hồi (m ²)	Thời gian thực hiện	Trường hợp thu hồi đất theo Điều 79 Luật Đất đai năm 2024	Sự phù hợp dự án với Quy hoạch	Văn bản chủ trương đầu tư dự án	
							Số văn bản, cơ quan ban hành	Nguồn vốn
4	Đường dây và TBA 110kV Vân Hồ	Xã Vân Hồ	14.384,30	Năm 2026	Khoản 5	1284/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 của UBND tỉnh; 467/QĐ-UBND ngày 12/11/2025	2668/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND tỉnh	Nhà đầu tư
5	Dự án cơ sở giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp	Phường Chiềng Sinh	17.451,40	Năm 2026 - 2028	Khoản 16	459/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND phường Chiềng Sinh	222/QĐ-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh,	Nhà đầu tư
6	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai các bản thuộc xã Tường Hạ, tỉnh Sơn La	Xã Tường Hạ	25.392,00	Năm 2025 - 2026	Khoản 21	178/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 về chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng	61/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương
7	Dự án bố trí sắp xếp dân cư có nguy cơ sạt lở bản Pú Chửn (nhóm Huổi Ý) xã Long Hẹ, tỉnh Sơn La	Xã Long Hẹ	21.600,00	Năm 2025-2026	Khoản 21	278/UBND-KT ngày 02/4/2026 về chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng	57/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh
8	Dự án bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai bản Nà Sèo, xã Nậm Ty (giai đoạn I)	Xã Nậm Ty	40.023,00	Năm 2025-2026	Khoản 21	78/QĐ-UBND ngày 29/01/2026 về chấp thuận quy hoạch tổng thể mặt bằng	2627/QĐ-UBND ngày 22/10/2025, số 58/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	Nguồn dự phòng ngân sách Trung ương

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Chiềng Cơi,
tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com